

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG MN THỊ TRẤN CỬ CHI 2

Biểu mẫu 01
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	- Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- 80% trẻ được phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.	-100% trẻ 5-6 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trẻ 5-6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1. -100% trẻ được phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.
II	- Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	-Thực hiện đúng theo chương trình chăm giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định tại Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT và TT số: 28/2016/TT-BGDĐT	-Thực hiện đúng theo chương trình chăm giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định tại Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT và TT số: 28/2016/TT-BGDĐT
III	- Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1. Phát triển thể chất: -100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo từng độ tuổi của nhà trẻ. -100% trẻ thích nghi được chế độ sinh hoạt ở nhóm. -80%Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. -80%Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. 2. Phát triển Nhận thức: -100% Thích tìm hiểu, khám phá xung quanh. -Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. 3. Phát triển ngôn ngữ: -80% Trẻ nghe, hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. -Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. -80% có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu. 4.Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội.	1. Phát triển thể chất: -100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo từng độ tuổi của mẫu giáo. -100% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng. -90% thực hiện tốt việc phối hợp các giác quan và vận động, biết định hướng trong không gian. -90% Có một số biểu hiện về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. Biết giữ gìn sức khỏe và an toàn cho bản thân. 2. Phát triển Nhận thức: -90% Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. -90 % Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. -100% trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo nhiều cách khác nhau. -100% trẻ có khái niệm sơ đẳng

		-100% có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. -Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt	về toán ban đầu. 3. Phát triển ngôn ngữ: -100% Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày và biết cách diễn đạt bằng lời nói, hành động, cử chỉ khác nhau. -100% trẻ biết cảm nhận về giai điệu bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao. -90% trẻ có lý năng ban đầu về việc đọc và viết. 4.Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. -100% trẻ có ý thức về bản thân và có khả năng nhận biết tình cảm bản thân với con người, sự vật xung quanh trẻ. -Trẻ biết tôn trọng, hợp tác với mọi người xung quanh. -Biết thực hiện một số qui tắc qui định trong gia đình. 5.Phát triển thẩm mỹ. -100% trẻ có khả năng cảm nhận về vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. -Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
IV	- Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	-Tổ chức trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ trong năm, phù hợp khả năng trẻ.	- Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ. - Tổ chức trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ trong năm, phù hợp khả năng trẻ.

Củ Chi, ngày 12... tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Diễm

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG MN THỊ TRẦN CỬ CHI 2

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	596	18	35	102	133	145	163
1	Số trẻ em nhóm ghép	00	00	00	00	00	00	00
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	00	00	00	00	00	00	00
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	596	18	35	102	133	145	163
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	00	00	00	00	00	00	00
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	596	18	35	102	133	145	163
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	596	18	35	102	133	145	163
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	596	18	35	102	133	145	163
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	596	18	35	102	133	145	163
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	00	00	00	00	00	00	00
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	00	00	00	00	00	00	00
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	00	00	00	00	00	00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	00	00	00	00	00	00	00
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	596	18	35	102	133	145	163
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	155	18	35	102			

2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	441				133	145	163
---	--------------------------------	-----	--	--	--	-----	-----	-----

Củ Chi, ngày 10.. tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Diễm

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG MN THỊ TRẦN CỬ CHI 2

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	21	17.78 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	-
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	9.991.9 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	6.064.9 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	53 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	18 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	28 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	48 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	48 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	152 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12 bộ	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	8	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn	20 loại	

	thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	21 bộ	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	00	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	21		24		0.6 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00		00		00

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Củ Chi, ngày 10... tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Diễm

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG MN THỊ TRẦN CỬ CHI 2

Biểu mẫu 04

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	54	00	00	25	14	04	05	14	24	08	27	12	07	00
I	Giáo viên	43	00	00	25	14	04	00	14	22	07	25	11	07	00
1	Nhà trẻ	18	00	00	10	05	03	00	10	05	03	03	10	05	
2	Mẫu giáo	25	00	00	15	09	01	00	04	17	04	22	01	02	
II	Cán bộ quản lý	03	00	00	03	00	00	00	00	02	01	02	01	00	00
1	Hiệu trưởng	01	00	00	01	00	00	00	00	01	00	00	01	00	
2	Phó hiệu trưởng	02	00	00	02	00	00	00	00	01	01	02	00	00	
III	Nhân viên	08	00	00	01	00	02	05	00	00	00	00	00	00	00
1	Nhân viên văn thư	01	00	00	00	00	01	00	00	00	00	00	00	00	
2	Nhân viên kế toán	01	00	00	01	00	00	00	00	00	00	00	00	00	
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	01	00	00	00	00	01	00	00	00	00	00	00	00	
5	Nhân viên khác	05	00	00	00	00	00	05	00	00	00	00	00	00	
..	..														

ngày .. tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Diễm